

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã kiểm toán
31/12/2008

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2008	5 - 6
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008	7
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2008	8
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Phát Quang	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Trịnh Bá Hoàng	Thành viên HĐQT
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên HĐQT
Ông Erik Smeys	Thành viên HĐQT
Ông Cao Thanh Định	Thành viên HĐQT

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản điều hành Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trịnh Bá Hoàng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Mỹ	Phó Tổng Giám đốc

3. Các hoạt động chính

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đào tạo nghề;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thuỷ nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Đại lý vận tải đường biển và đường hàng không;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

4. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 được trình bày từ trang 05 đến trang 27.

5. Những thay đổi đáng chú ý trong năm

Trong năm 2008, Công ty đã đăng ký tăng vốn điều lệ từ 368.000.000.000 đồng lên 868.000.000.000 đồng.

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

9. Kiểm toán viên

Công ty Tư vấn và Kiểm toán CA&A được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

10. Công bố trách nhiệm của Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

11. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2008.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 02 năm 2009

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2009

Số: 010/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty Cổ phần
Đầu tư Thương mại Thủy sản

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày (từ trang 05 đến trang 27). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là nêu ý kiến nhận xét căn cứ vào kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên: Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm theo bảng báo cáo này, đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính vào ngày 31/12/2008 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày 31/12/2008 và được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Giám đốc

Nguyễn Lương Nhân
Chứng chỉ KTV số: 0182/KTV

Nguyễn Văn Tuyên
Chứng chỉ KTV số: Đ.0111/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		261,088,120,620	199,709,482,686
I. Tiền	110		4,006,169,767	23,659,707,895
1. Tiền	111	V.01	4,006,169,767	23,659,707,895
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	314,880,000	485,761,600
1. Đầu tư ngắn hạn	121		531,000,000	601,438,592
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(216,120,000)	(115,676,992)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	164,005,433,423	73,832,881,779
1. Phải thu khách hàng	131		137,488,413,309	60,433,815,385
2. Trả trước cho người bán	132		25,270,081,927	11,860,375,577
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		2,439,325,920	2,677,173,084
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1,192,387,733)	(1,138,482,267)
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	86,006,275,073	95,856,489,428
1. Hàng tồn kho	141		87,924,010,140	98,885,343,917
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,917,735,067)	(3,028,854,489)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6,755,362,357	5,874,641,984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,188,170,480	3,775,031,766
3. Các khoản thuế phải thu	154	V.05	789,863,457	1,089,319,311
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	777,328,420	1,010,290,907
B. Tài sản dài hạn	200		155,761,063,600	136,535,852,620
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		73,973,903,738	71,931,739,476
1. TSCĐ hữu hình	221	V.08	66,313,851,614	55,085,559,881
- Nguyên giá	222		100,900,800,164	76,304,731,938
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34,586,948,550)	(21,219,172,057)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	9,668,939,623
- Nguyên giá	225		-	16,470,216,407
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(6,801,276,784)
3. TSCĐ vô hình	227	V.07	3,999,044,003	4,284,690,003
- Nguyên giá	228		5,712,920,000	5,712,920,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,713,875,997)	(1,428,229,997)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	3,661,008,121	2,892,549,969
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	69,526,276,051	51,121,475,984
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	8,521,475,984
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		65,026,276,051	42,600,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		4,500,000,000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		12,260,883,811	13,482,637,160
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	12,260,883,811	13,482,637,160
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		416,849,184,220	336,245,335,306

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		245,940,147,738	191,259,073,901
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	310		234,085,087,583	186,139,750,567
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	139,315,740,451	76,762,420,769
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	62,914,658,665	47,437,307,653
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	105,690,220	958,626,334
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	440,040,871	33,719,870
5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	3,027,501,334	2,078,956,265
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	28,281,456,042	58,868,719,676
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	330		11,855,060,155	5,119,323,334
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	11,855,060,155	5,119,323,334
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.18	170,909,036,482	144,986,261,405
<i>I. Nguồn vốn - Quỹ</i>	410		169,170,819,780	142,879,359,055
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		128,070,000,000	118,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,156,097,000	4,016,097,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		3,310,897,168	3,182,397,168
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		3,365,281,300	3,237,281,300
8. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10,268,544,312	14,443,583,587
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	420		1,738,216,702	2,106,902,350
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		1,738,216,702	2,106,902,350
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		416,849,184,220	336,245,335,306
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý			-	-
5. Ngoại tệ - USD			113,761.55	366,927.90
- EUR			308.27	6,989,518.00
- JPY			571,374.00	301.33
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu Kế toán trưởng Tp. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2009
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
1. Doanh thu bán hàng	01		459,118,718,694	326,127,777,104
2. Các khoản giảm trừ	03		2,076,599,403	-
3. Doanh thu thuần	10	VI.19	457,042,119,291	326,127,777,104
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	394,757,500,079	271,649,441,253
5. Lợi nhuận gộp	20		62,284,619,212	54,478,335,851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	8,800,891,551	3,697,629,881
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	18,627,216,091	8,977,868,640
- Trong đó: lãi vay	23		10,289,037,035	5,867,793,160
8. Chi phí bán hàng	24		21,883,942,952	16,351,590,256
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,342,071,756	11,887,279,609
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		14,232,279,964	20,959,227,227
11. Thu nhập khác	31	VI.23	269,838,224	186,154,337
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		269,838,224	186,154,337
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		14,502,118,188	21,145,381,564
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51	VI.24	392,855,899	-
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14,109,262,289	21,145,381,564
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	70	VI.25	1,144	1,792

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2009

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	<i>Mã số</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2007</i>
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	14,502,118,191	21,145,381,564
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	6,852,145,709	5,987,802,836
Các khoản dự phòng	03	(956,770,948)	3,814,089,351
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	409,778,816	726,001,835
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	(58,763,752)	(410,574,092)
Chi phí lãi vay	06	10,289,037,035	5,867,793,160
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	31,037,545,050	37,130,494,654
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(91,107,177,483)	(39,207,522,731)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	10,961,333,777	(12,412,194,140)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(14,782,487,572)	44,540,916,755
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	1,221,753,349	(1,885,367,498)
Tiền lãi vay đã trả	13	(10,289,037,035)	(5,878,482,458)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(94,090,948)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(469,767,212)	(7,597,650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(73,521,928,074)	22,280,246,932
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(9,018,570,019)	(3,309,129,175)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(18,334,361,475)	(12,122,914,576)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	58,763,752	410,574,092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27,294,167,742)	(15,021,469,659)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	30,210,000,000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	387,222,152,250	328,850,671,613
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(317,732,326,141)	(317,732,326,141)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(610,548,421)	(610,548,421)
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	(17,926,720,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	81,162,557,688	10,507,797,051
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(19,653,538,128)	17,766,574,324
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	23,659,707,895	5,838,342,702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	54,790,869
Tiền tồn cuối kỳ	70	4,006,169,767	23,659,707,895

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064100 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 16 ngày 25/02/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Tổng vốn cổ phần đăng ký của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:	868.000.000.000 đồng
Tổng số vốn góp thực tế đến 31/12/2008:	128.070.000.000 đồng

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

Tổng số công nhân viên Công ty: 887 người.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2008 là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm – thủy – hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Đào tạo nghề;
- Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thuỷ nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải;
- Đại lý vận tải đường biển và đường hàng không;
- Môi giới thương mại;
- Đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô ,xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

1. Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006.
2. Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.
3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công cụ dụng cụ được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng nguyên vật liệu và thành phẩm được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	08 – 12 năm
Phương tiện vận tải	06 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 15 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

7. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí công cụ dụng cụ và lãi vay xây dựng cơ bản: Phân bổ đến năm 2008
- Chi phí trả trước tiền thuê đất: Phân bổ đến tháng 9/2049

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán điều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phân chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đầu tư chứng khoán

Bao gồm chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có khả năng xác định được và Ban Giám đốc có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Chứng khoán sẵn sàng để bán là chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

9. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên và dự phòng trợ cấp mất việc làm: Công ty chưa trích lập.

11. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cũng được trích lập với tỷ lệ là 20% và 3% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 17% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong kỳ; và 6% sẽ được trích từ lương của người lao động.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

13. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang bên mua.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

14. Thuế

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Năm tài chính 2008, là năm thứ tư Công ty có phát sinh lợi nhuận.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2008	01/01/2008
Tiền mặt	53,915,437	318,875,286
Tiền gửi ngân hàng	3,952,254,330	23,340,832,609
Cộng	4,006,169,767	23,659,707,895

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	531,000,000	601,438,592
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(216,120,000)	(115,676,992)
Cộng	314,880,000	485,761,600

(*) Khoản đầu tư mua 3.840 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan Dầu khí (Mệnh giá: 10.000 đồng/CP).

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Phải thu khách hàng (a)	137,488,413,309	60,433,815,385
Trả trước người bán (b)	25,270,081,927	11,860,375,577
Phải thu khác (c)	2,439,325,920	2,677,173,084
Cộng	165,197,821,156	74,971,364,046
Dự phòng phải thu khó đòi	(1,192,387,733)	(1,138,482,267)
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	164,005,433,423	73,832,881,779

(a) Bao gồm:

Phải thu khách hàng bằng ngoại tệ (USD)	7,937,159.47	#	134,749,156,322
Phải thu khách hàng bằng VND			2,739,256,987
Cộng			137,488,413,309

(b) Bao gồm:

Trả trước cho người bán bằng ngoại tệ (USD)	914,299.61	#	15,522,064,479
Trả trước cho người bán bằng VND			9,748,017,448
Cộng			25,270,081,927

(c) Bao gồm:

Thuế GTGT của các tài sản thuê tài chính	289,071,216		289,071,216
Ông Nguyễn Thế Phong	176,482,000		176,482,000
Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Á Châu	249,098,678		-
Ông Đặng Văn Đoàn	1,112,400,000		1,611,000,000
Các khoản phải thu khác	612,274,026		600,619,868
Cộng	2,439,325,920		2,677,173,084

4. Hàng tồn kho	31/12/2008	01/01/2008
------------------------	------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Nguyên vật liệu	11,845,404,100	47,509,212,286
Công cụ, dụng cụ trong kho	324,870,056	424,860,945
Thành phẩm, bán thành phẩm tồn kho	75,753,735,984	50,951,270,686
Cộng	87,924,010,140	98,885,343,917
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,917,735,067)	(3,028,854,489)
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	86,006,275,073	95,856,489,428
5. Các khoản thuế phải thu	31/12/2008	01/01/2008
Thuế nhập khẩu tạm nộp	758,911,393	1,057,477,047
Thuế TNCN tạm nộp của người nước ngoài	30,952,064	31,842,264
Cộng	789,863,457	1,089,319,311
6. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2008	01/01/2008
Tạm ứng	746,342,835	970,811,802
Tài sản thiếu chờ xử lý	30,985,585	39,479,105
Cộng	777,328,420	1,010,290,907
7. Tài sản cố định vô hình	Nhãn hiệu hàng hoá	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	5,712,920,000	5,712,920,000
Tăng	-	-
Giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	5,712,920,000	5,712,920,000
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu kỳ	1,428,229,997	1,428,229,997
Tăng	285,646,000	285,646,000
Giảm	-	-
Số dư cuối kỳ	1,713,875,997	1,713,875,997
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	4,284,690,003	4,284,690,003
Số dư đầu kỳ	3,999,044,003	3,999,044,003

8. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Ngàn đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Nhà xưởng	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	39,620,352	33,844,849	1,720,823	1,118,709	76,304,732
Tăng	-	18,896,393	5,626,079	73,597	24,596,068
- Mua sắm mới	-	2,426,176	5,626,079	73,597	8,125,852
- K/C từ TSCĐ thuê tài chính	-	16,470,216	-	-	16,470,216
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	39,620,352	52,741,242	7,346,901	1,192,306	100,900,800
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	6,918,918	12,608,111	880,809	811,334	21,219,172
Tăng	1,589,480	11,127,833	546,903	103,561	13,367,776
- Trích khấu hao	1,589,480	4,326,556	546,903	103,561	6,566,500
- K/C từ TSCĐ thuê tài chính	-	6,801,277	-	-	6,801,277
Giảm	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8,508,398	23,735,943	1,427,713	914,895	34,586,949
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	32,701,434	21,236,738	840,013	307,375	55,085,560
Số dư cuối kỳ	31,111,954	29,005,298	5,919,189	277,411	66,313,852

Tổng giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị Công ty dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn được thuyết minh tại mục 12 - trang 19 và mục 17 - trang 21.

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng bảo hiểm với Công ty bảo hiểm BIDV số 02082545 và 02082544. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 07/11/2008 đến ngày 07/11/2009); tổng giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị được bảo hiểm 39,46 tỷ đồng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		31/12/2008	01/01/2008
Dự án trại tôm Cần Giờ	(*)	1,936,474,054	1,936,474,054
Dự án ERP Scala	(*)	947,933,915	947,933,915
Sửa chữa lớn TSCĐ		548,341,238	-
Công trình khác		8,142,000	8,142,000
Cộng		3,440,891,207	2,892,549,969

(*) Hiện tại, các dự án này đã ngưng triển khai, Công ty đang tiến hành hoàn tất hồ sơ để tiến hành Quyết toán trong 2009.

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: ngàn đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ	Kết quả đầu tư
Đầu tư vào công ty con	8,521,476	-	8,521,476	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	42,600,000	26,926,276	4,500,000	65,026,276	-
Đầu tư dài hạn khác	-	4,500,000	-	4,500,000	-
Dự phòng giảm giá	-	-	-	-	-
Cộng	51,121,476	31,426,276	13,021,476	69,526,276	-

10. 1. Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	
		31/12/2008	01/01/2008
Công ty TNHH SX KD DỖ SaGa (a)	21.07%	39,600,000,000	42,600,000,000
Công ty Incomfish US (b)	49.00%	14,992,000,000	-
Công ty Incomfish EU (c)	49.00%	10,434,276,051	8,521,475,984
Cộng		65,026,276,051	51,121,475,984

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008, tỷ lệ vốn góp: 21,07% (Tổng vốn điều lệ: 206.759.195 ngàn đồng) tương đương 43.560.000 ngàn đồng. Số vốn thực góp đến ngày 31/12/2008 là 39.600.000 ngàn đồng tương đương với 19% vốn điều lệ. Trong năm 2008, Công ty Sa Ga vẫn đang chuẩn bị triển khai các hoạt động, chưa tiến hành kinh doanh, nên chưa có lãi được chia từ hoạt động liên kết này.

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư của Công ty đăng ký là 900,000.00USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2008 là 900,000.00USD tương đương 14.992.000 ngàn đồng.

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư của Công ty đăng ký là 900,000.00 USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2008 là 454,368.94 EUR tương đương với 10.434.276 ngàn đồng.

10. 2. Đầu tư dài hạn khác

Danh mục đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	
		31/12/2008	01/01/2008
Công ty TNHH Thương mại Ve Ga	5.23%	4,500,000,000	-
Cộng		4,500,000,000	-

Khoản đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH Thương Mại Ve Ga theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102061859 ngày 23/5/2008. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 4.500.000 ngàn đồng tương đương 5,23% vốn điều lệ. Tính đến ngày 31/12/2008, Công ty đã góp đủ số vốn đã đăng ký.

	31/12/2008	01/01/2008
11. Chi phí trả trước dài hạn		
Số dư đầu kỳ	13,482,637,160	11,597,269,662
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	1,289,317,690	7,432,947,130

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	2,511,071,039	5,547,579,632
Số dư cuối kỳ	12,260,883,811	13,482,637,160
Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ	1,015,280,163	1,151,472,264
Quyền sử dụng đất (*)	(*) 10,788,719,969	11,051,859,480
Chi phí trả trước dài hạn khác	456,883,679	1,279,305,416
Cộng	12,260,883,811	13,482,637,160

(*) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - TP.HCM: Diện tích thuê: 20.802 m2. Thời hạn thuê đến tháng 9/2049. Công ty sẽ được giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thanh toán đủ 100% giá trị tiền thuê đất.

12. Vay và nợ ngắn hạn	31/12/2008	01/01/2008
Vay ngắn hạn	136,384,084,375	75,353,232,369
Vay dài hạn đến hạn trả	2,931,656,076	1,409,188,400
Cộng	139,315,740,451	76,762,420,769

Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng	Đơn vị tính: Ngàn đồng			
	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Ngân hàng BIDV (a)	28,829,007	134,078,165	132,928,830	29,978,342
Ngân hàng HSBC (b)	46,524,226	431,761,636	408,100,549	70,185,313
Ngân hàng Vietcombank (c)	-	41,448,635	5,228,205	36,220,430
Vay dài hạn đến hạn trả	1,409,188	-	-	2,931,656
Cộng	76,762,421	607,288,435	546,257,584	139,315,740

(a) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng BIDV theo hợp đồng vay số 0310/2008/0000697 ngày 01/7/2008; hạn mức vay 30 tỷ; lãi suất vay theo từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể; đáo hạn ngày 30/4/2009. Số dư nợ vay vào ngày 31/12/2008 bao gồm 259,133.41USD và 25.579.034 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này bao gồm:

- + Giá trị quyền sử dụng đất và nhà xưởng trên đất tại số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. HCM;
- + Máy móc thiết bị theo hợp đồng cầm cố số 01/03/HĐ-13/0002728 ngày 31/12/2003 và hợp đồng số 01/2006 HĐ - 94798 ngày 03/01/2006;
- + Toàn bộ số dư tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng khác;
- + Các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác mà bên vay là người thụ hưởng.

12. Vay và nợ ngắn hạn (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng HSBC theo thư đề nghị cung cấp tiện ích chung số VNM CDT 080255 ngày 27/5/2008 với tổng hạn mức là 4,000,000.00USD; thời hạn trong vòng 90 ngày tính từ ngày giải ngân. Số dư nợ vay ngày 31/12/2008 bao gồm: 3,044,431.45USD và 18.500.000 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là hàng hoá tồn kho của Công ty với trị giá ít nhất 4,000,000.00 USD và quyền thụ hưởng theo hợp đồng bảo hiểm nhà kho và hàng hoá trong kho cùng với thư xác nhận từ Công ty Bảo hiểm.

(c) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 0163/KH/08NH ngày 24/6/2008 và bản điều chỉnh ngày 31/12/2008 với tổng hạn mức là 70 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức là 60 tháng. Số dư nợ vay ngày 31/12/2008 là 2,133,500.00USD tương đương 36.220.430 ngàn đồng. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 237/11/26B Nguyễn Văn Đậu, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. HCM thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Phát Quang và Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

Chi tiết số dư vay dài hạn đến hạn trả

Ngân hàng BIDV - Chi nhánh TP.HCM (89,800.00 USD)	1,524,534,600
Quỹ Đầu tư và Phát triển Đô thị TP.HCM	513,250,000
Ngân hàng HSBC (52,651.91 USD)	893,871,476
Cộng	2,931,656,076

13. Phải trả người bán và người mua trả trước	31/12/2008	01/01/2008
Phải trả người bán (*)	62,914,658,665	47,437,307,653
Người mua trả trước	105,690,220	958,626,334
Cộng	63,020,348,885	48,395,933,987

(*) Bao gồm:

Phải trả nhà cung cấp bằng ngoại tệ (USD)	686,028.69	#	11,646,709,070
Phải trả nhà cung cấp bằng ngoại tệ (EUR)	35,607.28	#	870,882,854
Phải trả nhà cung cấp bằng VND			50,397,066,741
Cộng			62,914,658,665

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/2008	01/01/2008
Thuế thu nhập doanh nghiệp	382,337,286	-
Thuế thu nhập cá nhân	43,934,015	19,950,300
Thuế khác	13,769,570	13,769,570
Cộng	440,040,871	33,719,870

15. Phải trả công nhân viên	31/12/2008	01/01/2008
Tiền lương phải trả đầu năm	2,078,956,265	2,036,933,391

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí lương thực tế trích trong năm	26,028,987,152	17,159,723,074
Chi lương thực tế trong năm	(25,080,442,083)	(17,117,700,200)
Tiền lương còn phải trả cuối năm	3,027,501,334	2,078,956,265

16. Phải trả khác	31/12/2008	01/01/2008
Bảo hiểm xã hội và y tế phải nộp	112,549,477	33,531,201
Kinh phí công đoàn	612,295,244	456,192,854
Phải trả khác (*)	27,556,611,321	58,378,995,621
Cộng	28,281,456,042	58,868,719,676

(*) Bao gồm:

Phải trả tiền cho vay và góp vốn của cá nhân	27,179,200,000	58,200,000,000
Bà Nguyễn Thị Kim Thủy	129,703,600	129,703,600
Ông Nguyễn Thế Phong	-	5,500,000
Các khoản khác	247,707,721	43,792,021
Cộng	27,556,611,321	58,378,995,621

17. Vay và nợ dài hạn	31/12/2008	01/01/2008
Vay dài hạn	14,786,716,231	6,528,511,734
- Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(2,931,656,076)	(1,409,188,400)
Cộng vay và nợ dài hạn	11,855,060,155	5,119,323,334

Chi tiết các khoản vay dài hạn

Đơn vị tính: Ngàn đồng

	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
Vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (a)	924,063	507,341	513,250	918,154
Ngân hàng BIDV (b)	5,604,449	-	643,770	4,960,679
Ngân hàng HSBC (c)	-	8,907,883	-	8,907,883
Cộng	6,528,512	9,415,224	1,157,020	14,786,716
- Trừ vay dài hạn đến hạn trả	1,409,188			2,931,656
Cộng	5,119,323			11,855,060

17. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(a) Khoản vay dài hạn 918.154 ngàn đồng từ Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 230/2005/HĐTD-QĐT-TD ngày 06/9/2005 trong hạn mức tín dụng 2.053.000.000 đồng, lãi suất cho vay 4%/năm cố định trong suốt thời gian vay và được trả định kỳ hàng tháng kể từ ngày 10/01/2006. Thời hạn cho vay 05 năm. Nợ gốc trả định kỳ hàng quý. Công ty sử dụng khoản vay này để đầu tư dự án cải thiện môi trường.

(b) Vay dài hạn 292,200.00 USD tương đương 4.960.679 ngàn đồng từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 00310/2004/0003777 ngày 22/10/2004 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 02/12/2004 và Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 08/11/2005. Theo đó: Tổng hạn mức tín dụng: 445.000 USD; thời hạn vay: 07 năm; lãi suất: Lãi suất Sibor 06 tháng cộng 2,7%/năm được trả định kỳ hàng quý. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn đầu tư cho dự án "Nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh Incomfish".

- Bên vay thực hiện công chứng Hợp đồng cầm cố máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có của Bên vay đã ký giữa Bên vay và Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp nhà xưởng (không bao gồm quyền sử dụng đất) tọa lạc tại lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP.HCM ký song phương giữa Bên vay và Ngân hàng;

(c) Vay dài hạn 524,703.00USD tương đương 8.907.883 ngàn đồng từ Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải - Chi nhánh Tp. HCM theo Hợp đồng tín dụng số VNM CDT 080174M ngày 25/4/2008 và Biên bản bổ sung, sửa đổi ngày 16/9/2008, theo đó: Tổng hạn mức là 1,000,000.00 USD; thời hạn 60 tháng; lãi suất Sibor 03 tháng cộng 3%/năm. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này theo hợp đồng thế chấp tài sản số VNM CDT 080174M/M ngày 25/4/2008 với tổng giá trị là 1,500,000.00 USD.

18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Ngàn đồng

	Vốn đăng ký		Vốn góp thực tế	
	31/12/2008	01/01/2008	31/12/2008	01/01/2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	868,000,000	368,000,000	128,070,000	118,000,000

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Số dư đầu năm	Tăng trong năm		Số dư cuối năm
		Tăng trong năm	Giảm trong năm	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	118,000,000	10,070,000	-	128,070,000
Thặng dư cổ phần	4,016,097	20,140,000	-	24,156,097
Quỹ đầu tư phát triển	3,182,397	2,100,000	1,971,500	3,310,897
Quỹ dự phòng tài chính	3,237,281	2,100,000	1,972,000	3,365,281
Lợi nhuận chưa phân phối	14,443,584	19,351,681	23,526,720	10,268,544
Cộng	142,879,359	53,761,681	27,470,220	169,170,820
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2,106,902	1,400,000	1,768,686	1,738,217
Tổng cộng	144,986,261	55,161,681	29,238,906	170,909,036

18. Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tình hình phân phối lợi nhuận năm 2008:

Số dư đầu năm (01/01/2008)		14,443,583,587
Tăng trong năm 2008		14,109,262,289
Cộng phần hoàn nhập các quỹ từ lợi nhuận năm 2007	(*)	5,242,418,436
Cộng lũy kế		33,795,264,312
Trích lập quỹ đầu tư phát triển năm 2008		2,100,000,000
Trích lập quỹ dự phòng tài chính năm 2008		2,100,000,000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2008		1,400,000,000
Chi cổ tức năm 2007		17,926,720,000
Cộng phân phối		23,526,720,000

(*) Các quỹ giảm trong năm do hoàn lại theo Quyết định số 10/0508/QĐ.ICF ngày 21/5/2008 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bao gồm:

Quỹ đầu tư phát triển	1,971,500,000
Quỹ dự phòng tài chính	1,972,000,000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1,298,918,436
Cộng	5,242,418,436

Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	86,800,000	36,800,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	12,807,000	11,800,000
- Cổ phiếu thường	12,807,000	11,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,807,000	11,800,000
- Cổ phiếu thường	12,807,000	11,800,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

19. Doanh thu		Năm 2008	Năm 2007
Doanh thu	(*)	459,118,718,694	326,127,777,104
Tổng doanh thu		459,118,718,694	326,127,777,104
- Trừ các khoản giảm trừ (hàng bán trả lại)		2,076,599,403	-
Cộng doanh thu thuần		457,042,119,291	326,127,777,104

(*) Bao gồm:	USD	VND	Quy ra VND
Doanh thu xuất khẩu	22,489,849.86	-	370,019,656,450
Doanh thu xuất khẩu uỷ thác	2,366,636.02	-	38,108,662,562
Doanh thu bán hàng trong nước	3,024,856.51	1,536,517,982	51,047,131,360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	690,887,646	690,887,646
Cộng	27,881,342.39	2,227,405,628	459,866,338,018

20. Giá vốn hàng bán		Năm 2008	Năm 2007
Giá vốn thành phẩm đã bán	(*)	395,868,619,501	268,620,586,764
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)		(1,111,119,422)	3,028,854,489
Giá vốn hàng bán		394,757,500,079	271,649,441,253

(*) Phương pháp xác định giá vốn:

1- Nguyên vật liệu và thành phẩm đầu kỳ	98,460,482,972	86,129,091,772
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phát sinh trong kỳ	345,325,876,073	254,539,901,742
Chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ	14,992,408,149	9,967,311,461
Chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ	24,688,992,391	16,444,764,761
<i>Chi phí nhân công, bảo hiểm XH, YT</i>	6,005,566,139	2,980,113,113
<i>Chi phí công cụ dụng cụ, bao bì, nhiên liệu</i>	3,925,879,347	1,259,855,911
<i>Chi phí khấu hao</i>	5,583,930,738	4,481,972,172
<i>Chi phí điện, nước</i>	4,230,265,499	3,753,646,795
<i>Chi phí khác</i>	4,943,350,668	3,969,176,770
2- Chi phí sản xuất trong kỳ	385,007,276,613	280,951,977,964
3- Nguyên vật liệu và thành phẩm cuối kỳ	87,599,140,084	98,460,482,972
Giá vốn hàng bán (1+2-3)	395,868,619,501	268,620,586,764

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
Lãi tiền gửi	350,822,969	159,169,579

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Lãi đầu tư chứng khoán	58,763,752	410,574,092
Lãi chênh lệch tỷ giá	8,391,304,830	3,127,886,210
Cộng	8,800,891,551	3,697,629,881

22. Chi phí tài chính

	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí lãi vay	10,289,037,035	5,867,793,160
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8,237,736,048	2,994,398,488
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	100,443,008	115,676,992
Cộng	18,627,216,091	8,977,868,640

23. Thu nhập khác

	Năm 2008	Năm 2007
Thu bán phế liệu	258,880,759	102,203,000
Thu khác	10,957,465	83,951,337
Cộng	269,838,224	186,154,337

24. Chi phí thuế Thuế TNDN hiện hành

	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14,502,118,188	21,145,381,564
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(3,374,434,519)	(443,406,949)
Các khoản không được khấu trừ	2,739,798,055	719,966,336
- Các khoản không được khấu trừ năm trước	-	-
- Các khoản không được khấu trừ năm nay	2,739,798,055	719,966,336
Các khoản chưa được khấu trừ	-	-
Lỗ các năm trước chuyển sang	(8,629,403,074)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm nay	5,238,078,650	21,421,940,951
Thuế suất thuế TNDN	15%	15%
Thuế TNDN phải nộp ước tính	785,711,798	3,213,291,143
Thuế TNDN được miễn giảm	392,855,899	(3,213,291,143)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	392,855,899	-

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2008	Năm 2007
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14,109,262,289	21,145,381,564
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12,335,000	11,800,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,144	1,792

26. Chi phí SXKD theo yếu tố	Năm 2008	Năm 2007
Chi phí nguyên vật liệu	345,325,876,073	254,539,901,742
Chi phí nhân công	28,626,627,716	12,947,424,574
Chi phí khấu hao	6,845,641,734	5,987,802,836
Chi phí dịch vụ bên ngoài	42,435,145,798	35,715,718,677
Cộng	423,233,291,321	309,190,847,829

27. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định / Tổng tài sản (%)	17.75%	21.39%
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản (%)	62.63%	59.39%
Bố trí cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn (%)	59.00%	56.88%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	41.00%	43.12%
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.02	0.13
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.69	1.76
3. Tỷ suất lợi nhuận		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản (%)	3.48%	6.29%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần (%)	3.17%	6.48%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn CSH (%)	8.26%	14.58%

VII. Thông tin khác

28. Nghiệp vụ với các Công ty liên kết

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các Công ty liên kết chủ yếu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Incomfish Eu	Công ty liên kết	Xuất khẩu (USD)	940,189.37
Incomfish Eu	Công ty liên kết	Góp vốn (EUR)	(80,691.84)
Incomfish US	Công ty liên kết	Xuất khẩu (USD)	2,135,952.06
Incomfish US	Công ty liên kết	Góp vốn (USD)	(900,000.00)
Công ty TNHH Sa Ga	Công ty liên kết	Bán hàng (VND)	16,134,650

Vào ngày 31/12/2008, Các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến các Công ty liên kết như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Incomfish US	Công ty liên kết	Nợ phải thu (USD)	1,103,591.5

29. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2009

Tổng Giám đốc